TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 04/5/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồng.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Phú – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

-. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Công Hiếu – Giám đốc Trung tâm Giám sát kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 750/2021/QĐ-LPB.QTR ngày 08/10/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 2, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2021, bản trình bày ý kiến ngày 04/5/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/08/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Quảng Trị đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 với chị Nguyễn Thị N, số tiền cấp tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất trong hạn 9%/năm (phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu). Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (cụ thể: Lãi suất quá hạn là 13.5%/năm); lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Trả nợ gốc và lãi đình kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Tính đến ngày 04/05/2022 chị Nguyễn Thị N đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 29.190.000 đồng và tiền lãi là 7.902.742 đồng, lần cuối cùng chị Nguyễn Thị N trả nợ gốc và lãi là vào ngày 20/05/2020 với số tiền là 1.777.284 đồng (trong đó tiền gốc 1.390.000 đồng, tiền lãi 387.284 đồng). Từ đó đến nay mặc dù đã quá thời hạn trả gốc, lãi theo thỏa thuận nhưng phía chị Nguyễn Thị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của chị Nguyễn Thị N đã bị chuyển sang nợ quá hạn là ngày 20/06/2020. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Chị Nguyễn Thị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc có trả trả nợ nhưng thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ. Bắt đầu từ kỳ ngày 10/06/2020 cho đến hiện tại, chị Nguyễn Thị N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Tính đến ngày 04/05/2022, chị Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là: 30.854.377 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 20.810.000 đồng; nợ lãi là 10.044.377 đồng (lãi trong hạn: 5.609.590 đồng, lãi quá hạn: 4.434.787 đồng).

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 với tổng số tiền tính đến ngày 04/05/2022 là 30.854.377 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 20.810.000 đồng; nợ lãi là 10.044.377 đồng (lãi trong hạn: 5.609.590 đồng, lãi quá hạn: 4.434.787 đồng) và yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu lãi suất quá hạn trên tổng số tiền còn phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 cho đến khi hoàn tất khoản vay.

Chị Nguyễn Thị N trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đề ngày 08/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3

Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường 2, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chị Nguyễn Thị Nhng không có văn bản trình bày ý kiến gì gửi cho Tòa án và đều vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 10 mỗi tháng. Đến ngày 10/6/2020 chị Nguyễn Thị N đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/5/2020; lần cuối chị Nhung trả nợ cho ngân hàng là vào ngày 20/5/2020 là trả số tiền gốc và tiền lãi của kỳ ngày 10/5/2020. Tổng số tiền gốc đã trả là 29.190.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 20.810.000 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự)

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 thì thỏa thuận lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 20/6/2020. Tổng số tiền lãi tính từ ngày nhận nợ là ngày 09/8/2018 cho đến kỳ trả cuối cùng vào ngày 20/5/2020 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 7.902.742 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/5/2022, tổng

số tiền còn nợ lãi của bị đơn là: 10.044.377 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn 5.609.590 đồng, nợ lãi quá hạn 4.434.787 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi từ ngày 21/5/2020 đến ngày 04/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10.044.377 đồng là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 20.810.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (04/5/2022) là 10.044.377 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 30.854.377 đồng (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc 20.810.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm mười nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 04/5/2022 là 10.044.377 đồng (Mười triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: nợ lãi trong hạn 5.609.590 đồng, nợ lãi quá hạn 4.434.787 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/5/2022), chị Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020182277 ký ngày 09/08/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.542.719 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 723.000 đồng (Bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000025 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên (Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng **Nguyễn Thị Loan** **Phan Thị Hạnh**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hạnh